

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

\*\*\*

Số: 57 /2019 CV/VCS-QHCĐ

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh  
doanh Quý II năm 2019CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý II năm 2019 so với Quý II năm 2018 chi tiết như sau:

#### I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý II.2019	Quý II.2018	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,395,217,570,324	1,186,991,855,118	208,225,715,206	17.54
11	Giá vốn hàng bán	869,776,765,833	790,264,381,103	79,512,384,730	10.06
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	525,440,804,491	396,727,474,015	128,713,330,476	32.44
21	Doanh thu hoạt động tài chính	7,555,402,319	12,881,972,163	(5,326,569,844)	(41.35)
22	Chi phí tài chính	9,786,708,280	18,703,121,084	(8,916,412,804)	(47.67)
25	Chi phí bán hàng	32,777,914,347	27,750,042,981	5,027,871,366	18.12
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,115,154,949	13,001,457,224	1,113,697,725	8.57
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	476,372,329,324	350,259,629,275	126,112,700,049	36.01
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	66,928,973,757	48,027,747,870	18,901,225,887	39.35
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	409,443,355,567	302,231,881,405	107,211,474,162	35.47



## II. Nguyên nhân biến động

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 208,225,715,206 đồng (17.54%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu thành phẩm tăng 310,416,068,172 đồng (31.11%), doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 102,190,352,966 đồng (-54.01%)

2. Lượng hàng bán ra tăng lên làm cho giá vốn cũng tăng: Giá vốn hàng bán tăng 79,512,384,730 đồng (10.06%) trong đó: Giá vốn của thành phẩm tăng: 172,078,145,455 đồng; giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng giảm: 93,471,495,891 đồng

3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 128,713,330,476 đồng (32.44%), chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm bán ra tăng 138,337,922,717 đồng (36.14%)
- Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 8,718,857,075 đồng (-66.64%).

4. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 5,326,569,844 đồng (-41.35%), nguyên nhân do:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 1,757,405,980 đồng (-45.91%)
- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm 3,569,163,864 đồng (-39.42%)

5. Chi phí tài chính giảm 8,916,412,804 đồng (-47.67%), nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 9,517,042,513 đồng (-90.57%)

6. Chi phí bán hàng tăng 5,027,871,366 đồng (18.12%), nguyên nhân do:

- Chi phí nhân viên bán hàng tăng: 1,139,297,141 đồng.
- Chi phí vật liệu, dụng cụ bán hàng tăng: 1,113,732,943 đồng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 1,222,643,353 đồng.
- Chi phí bằng tiền khác tăng: 1,516,779,905 đồng

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: 1,113,697,725 đồng (8.57%) nguyên nhân chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,381,206,807 đồng.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 126,112,700,049 đồng (36.01%) lợi nhuận sau thuế tăng: 107,211,474,162 đồng (35.47%) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân: Doanh thu của thành phẩm tăng, chi phí tài chính giảm.

Xin chân thành cảm ơn. 

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCB,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Phạm Anh Tuấn*

